

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HSPT

Ngày: 25-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Tân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hòa.

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tào Văn Hiến - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** ông Trần Thanh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 83/2017/HSPT ngày 02/10/2017 đối với các bị cáo Võ Thị L Nguyễn Thị Hồng G Nguyễn Thị Tdo có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 19/2017/HSST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- ***Các bị cáo có kháng cáo:***

1/ Võ Thị L sinh năm 1954 tại Trà Ôn. Nơi cư trú: ấp Mỹ Phú 5, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tư Biển (chết) và bà Huỳnh Thị Mười (chết); chồng Trần Thanh Long và 06 người con lớn sinh năm 19675, nhỏ sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 19/12/2016 đến ngày 20/01/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh tại ngoại đến nay, có mặt.

2/ Nguyễn Thị Hồng G sinh năm 1987 tại Tam Bình. Nơi cư trú: ấp Mỹ Phú 5, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Hai và bà Nguyễn Thị Thu Xuân; chồng Trần Cao Lĩnh và 01 người con 06 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 19/12/2016 đến ngày 20/01/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh tại ngoại đến nay, có mặt.

3/ Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 tại Bình Minh. Nơi cư trú: ấp Mỹ Phú 5, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Thành (không xác định được còn sống hay đã chết) và mẹ không xác định được họ tên; cha nuôi Nguyễn Văn Sửu (chết); chồng là Lê Tấn Lực và 05 người con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 18/01/2017 đến ngày 08/3/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh tại ngoại đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thủy: bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ là luật sư của Văn phòng luật sư Thiên Lý, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long, Có mặt

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

Người bị hại:

1/ Bà Hứa Mỹ C, sinh năm 1960. Có mặt.

Nơi cư trú: số 49, đường Hậu Giang, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Anh Nguyễn Anh Duy, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp M P, xã T L, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong năm 2015, bà Hứa Mỹ Chi tham gia 04 dây hui do bị cáo Võ Thị Lệ làm đầu thảo. Mỗi dây hui bà Chi tham gia 01 phần và đã hốt hết tất cả 04 phần hui. Tính từ ngày hốt hui cho đến ngày 27/10/2016, bà Chi đã góp cho bị cáo Lệ nhận đầy đủ tiền hui chết. Bà Chi còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ góp hui chết chưa phát sinh của từng kỳ hui tiếp theo cho đến thời điểm chấm dứt dây hui cuối cùng vào ngày 28/8/2022, tổng cộng số tiền 118.550.000 đồng. Ngoài ra, vào tháng 02/2015 bà Chi hỏi vay và còn nợ bị cáo Nguyễn Thị Tsố tiền 50.000.000 đồng.

Đến ngày 28/5/2016, gia đình bà Chi lập hợp đồng viết tay chuyển nhượng nhà ở và quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp Mỹ Phú 5, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long cho chị Nguyễn Thị Cà Ru con ruột của bà Nguyễn Thị Còn ngụ cùng ấp Mỹ Phú 5 với giá nhận chuyển nhượng là 500.000.000 đồng. Gia đình bà Chi nhận trước số tiền 300.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng sẽ nhận đủ. Tại thời điểm nhận số tiền 300.000.000 đồng, bà Chi thỏa thuận với bị cáo Thủy, khi nào bà Chi nhận được số tiền 200.000.000 đồng còn lại thì bà Chi sẽ trả cho bị cáo Tsố tiền nợ vay 50.000.000 đồng.

Do là người cùng địa phương biết được vào sáng ngày 27/10/2016, bà Chi sẽ đến nhà chị Ru để nhận số tiền 200.000.000 đồng, nên:

Khoảng 07 giờ ngày 27/10/2016, bị cáo Lê đi bộ đến nhà chị Võ Thị Ngọc Khuyên ngụ cùng ấp Mỹ Phú 5. Tại đây, bị cáo Lê gặp chị Khuyên và bị cáo Nguyễn Thị Hồng Gấm là 02 người con dâu, nên rủ cùng đi đến nhà chị Ru chờ bà Chi nhận tiền xong sẽ đòi lấy toàn bộ số tiền hụi chưa phát sinh. Vì bị cáo Lê nghĩ rằng sau khi bà Chi nhận xong tiền sẽ bỏ đi không góp tiền hụi chết cho bị cáo.

Khoảng 08 giờ cùng ngày, bị cáo Lê và chị Khuyên đến nhà chị Ru để gặp bà Còn nói chuyện được một lúc thì chị Khuyên đi về nhà, bị cáo Tlà chị em bạn dâu bà con xa với bị cáo Lê vừa đi bộ đến để chờ bà Chi trả tiền nợ vay. Bị cáo Gấm sau khi đưa con đi học xong, bị cáo cũng đi đến nhà chị Ru. Tại nhà chị Ru, bị cáo Lê nói với bị cáo Gấm: *“Nếu bà Chi trả tiền thì thôi, nếu không trả thì giật lấy tiền vì nếu không giật tiền bà Chi nhận tiền là bỏ đi luôn”*, thì được bị cáo Gấm đồng ý. Khoảng 10 phút sau, bà Chi cùng với anh Nguyễn Anh Duy là cháu ruột bà Chi và ông Nguyễn Văn Cảnh là em rể bà Chi đi đến nhà chị Ru. Anh Trần Cao Linh là con ruột bị cáo Lê và là chồng bị cáo G biết các bị cáo L Gấm đòi bà Chi tiền hụi, nên anh Linh tự đi đến nhà chị Ru.

- Tại phòng khách nhà chị Ru, có mặt bà Còn, bà Chi, bị cáo Tvà anh Duy. Bà Chi nói với bà Còn lấy số tiền 150.000.000 đồng và để lại số tiền 50.000.000 đồng trả nợ cho bị cáo Thủy. Vì vậy, bà Còn đưa anh Duy nhận và đếm lại số tiền 150.000.000 đồng. Trong lúc anh Duy đếm tiền, bà Còn ngồi mặt hướng ra cửa đối diện với anh Duy tại phòng khách. Bị cáo Gấm ngồi trên bậc thềm hàng ba tại cửa chính nhìn vào phòng khách. Bà Chi đứng cạnh ông Cảnh tại hàng ba phía trước cửa chính nhìn vào phòng khách. Bị cáo Lê và chị Khuyên ngồi ở bàn tròn đặt tại sân phía trước cửa nhà chính. Anh Linh đứng tại sân phía trước cửa nhà chính.

- Sau khi đếm đủ số tiền 150.000.000 đồng, anh Duy cất tiền vào túi xách da nhãn hiệu ADIDAS (loại đựng máy tính bảng có 02 dây) đeo lên vai, treo trước ngực. Bị cáo Lê liền hỏi bà Chi: “*Còn tiền hụi tôi, chị tính sao?*”. Bà Chi trả lời: “*Về nhà tôi tính!*”. Ngay lúc này, bị cáo Gấm chạy ra sân kéo cửa rào nhà chị Ru và móc ổ khóa đóng lại. Anh Duy bước ra cửa định về thì bị bị cáo Lê dùng hai tay đẩy vào vai anh Duy xô anh Duy vào sát vách tường bên trái hướng từ lộ nhìn vào. Bị cáo Lê dùng tay phải đè vào vùng cằm và miệng anh Duy, ép đầu anh Duy vào sát góc tường và dùng tay trái chụp lấy túi xách. Thấy vậy, bà Chi lấy điện thoại di động hiệu VIETTEL định gọi điện thoại báo công an. Bị cáo Gấm từ ngoài đi vào phát hiện nên dùng tay giật lấy điện thoại của bà Chi, tắt nguồn và cất giấu vào túi quần của bị cáo. Đồng thời, bị cáo Gấm tiến đến đứng vị trí bên phía trái của anh Duy, rồi dùng hai tay giật túi xách anh Duy đang ôm giữ nhưng không được. Bị cáo Gấm dùng chân đạp vào chân anh Duy, anh Duy kháng cự dùng chân đạp vào người bị cáo Gấm. Ông Cảnh liền chạy đến dùng tay ôm kéo bị cáo Gấm thì chị Khuyên và bị cáo Tôm người kéo ra. Anh Lĩnh lấy cây kèm nhỏ mũi bằng, loại nhỏ định có cán màu xanh dương để trên bàn tròn đặt ngoài sân đi đến chỗ bà Chi, ông Cảnh cự cãi và giơ tay nhá cây kèm về phía ông Cảnh. Ông Cảnh buông bị cáo Gấm ra, lấy điện thoại di động dự định gọi điện thoại báo công an thì chị Khuyên dùng tay chụp lấy điện thoại của ông Cảnh nhưng không được. Anh Lĩnh dùng tay câu người kéo ông Cảnh ra ngoài sân. Thấy vậy, chị Khuyên đi theo ông Cảnh và anh Lĩnh ôm người kéo anh Lĩnh ra và đẩy anh Lĩnh đi về nhà.

- Lúc này, bị cáo Gấm quay trở lại cùng với bị cáo Lê tiếp tục khống chế anh Duy để giật túi xách, nhưng bị anh Duy kháng cự quyết liệt nên hai bị cáo không giật được túi xách. Bị cáo Lê nhìn thấy bị cáo T đứng ở gần, bị cáo Lê liền gọi bị cáo Thủy: “*Toi phụ chị!*”. Bị cáo T tiến lại đứng đối diện với anh Duy dùng hai tay gỡ tay anh Duy đang giữ túi xách và giật túi xách. Các bị cáo L G Cùng giằng co với anh Duy khoảng 03 phút thì bị cáo Gấm giật đứt dây túi xách. Các bị cáo L Nhìn thấy bị cáo Gấm cầm được túi xách đựng tiền trên tay bỏ đi thì các bị cáo Lê và T mới buông tay thả người anh Duy ra. Trong khi bị cáo Gấm cầm túi xách đi ra đến sân, bị cáo Lê nói với theo bị cáo Gấm: “*Lấy đủ một trăm triệu thôi, còn bao nhiêu đem trả lại!*”. Bị cáo T thấy bị cáo Gấm cầm túi xách bỏ đi và nghe bị cáo Lê nói với bị cáo Gấm lấy đủ số tiền 100.000.000 đồng thì bị cáo T bỏ đi về nhà.

- Bị cáo Gấm mang túi xách vừa chiếm đoạt được đi đến nhà chị Khuyên cách nhà chị Ru khoảng 100 mét. Tại nhà chị Khuyên, bị cáo Gấm lấy ra số tiền

100.000.000 đồng đưa cho anh Trần Thế Bảo là chồng của chị Khuyên cất và lấy điện thoại di động hiệu VIETTEL của bà Chi để vào túi xách.

- Sau khi kéo anh Lĩnh đi về nhà, chị Khuyên đi bộ quay trở lại nhà chị Ru nghe bị cáo Lê nói chị Khuyên: *“Mày coi con Gắm ở đâu, trả cái giỏ cho người ta, chỉ lấy một trăm triệu thôi!”*. Chị Khuyên liền đi về nhà gặp bị cáo G bị cáo Gắm đưa lại túi xách cho chị Khuyên mang đến nhà chị Ru trả lại cho anh Duy. Vì anh Duy không nhận nên chị Khuyên để túi xách trên bàn tròn đặt tại sân phía trước cửa nhà chính. Còn ông Cảnh và anh Duy lấy điện thoại di động gọi cho gia đình trình báo sự việc cho lực lượng Công an.

Trên cơ sở trình báo, lực lượng Công an xã Tường Lộc, huyện Tam Bình đến lập biên bản sự việc và thu giữ tang vật, gồm:

- 01 (một) túi xách da màu đen nhãn hiệu ADIDAS đã qua sử dụng, kiểm tra bên trong có: Số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng; 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu VIETTEL đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu SAMSUNG DOUS đã qua sử dụng; 01 (một) bóp da màu đen đã qua sử dụng.

- Kiểm tra bên trong bóp có: Số tiền 3.759.000 đồng, 03 (ba) tờ ngoại tệ ghi mệnh giá TWO DOLLARS, 01 (một) tờ ngoại tệ ghi mệnh giá 100 ký hiệu BANK OF CAM BODIA, 01 (một) tờ ngoại tệ ghi mệnh giá 1 YUAN; 01 (một) giấy phép lái xe, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 64 E1 - 213.94 cùng mang tên Nguyễn Anh Duy và 04 (bốn) thẻ ATM không có tiền trong tài khoản.

- Đến 14 giờ 50 phút cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Bình thu giữ vật chứng số tiền 100.000.000 đồng do bị cáo Lê giao nộp.

Tại kết luận định giá số 154/KL.HĐĐGTS ngày 18/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tam Bình và kết luận định giá số 04/KL.HĐĐGTS ngày 08/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Vĩnh Long, kết luận giá trị thực tế của các tài sản bị chiếm đoạt vào ngày 27/10/2016 như sau: 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu VIETTEL có giá 100.000 (Một trăm nghìn) đồng; 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu SAMSUNG DOUS có giá 1.680.000 (Một triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng; 03 (ba) tờ ngoại tệ ghi mệnh giá TWO DOLLARS có giá 131.634 (Một trăm ba mươi mốt nghìn sáu trăm ba mươi bốn) đồng; 01 (một) tờ ngoại tệ ghi mệnh giá 100 ký hiệu BANK OF CAM BODIA có giá 500 (Năm trăm) đồng; 01 (một) tờ ngoại tệ ghi mệnh giá 1 YUAN có giá 3.290 (Ba nghìn hai trăm chín mươi) đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đã xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Thị L Nguyễn Thị Hồng Gấm và Nguyễn Thị Tphạm tội “*Cướp tài sản*”.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133, các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 33, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Lệ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt, nhưng được khấu trừ vào thời gian bị tạm giam từ ngày 19/12/2016 đến ngày 20/01/2017;

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133, các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 33, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng Gấm 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt, nhưng được khấu trừ vào thời gian bị tạm giam từ ngày 19/12/2016 đến ngày 20/01/2017;

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133, các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 33, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017; điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt, nhưng được khấu trừ vào thời gian bị tạm giam từ ngày 18/01/2017 đến ngày 08/3/2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/8/2017, bị cáo Võ Thị Lệ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 10/8/2017, bị cáo Nguyễn Thị Hồng Gấm kháng cáo xin được án treo.

Ngày 09/8/2017, bị cáo Nguyễn Thị Tkhang cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 06/8/2017, người bị hại Hứa Mỹ Chi có đơn xin giảm án cho bị cáo Nguyễn Thị Thủy. Đến ngày 14/8/2017 người bị hại Hứa Mỹ Chi có đơn kháng cáo xin cho ba bị cáo Võ Thị L Nguyễn Thị Hồng G Nguyễn Thị T được án treo.

Ngày 06/8/2017 người bị hại Nguyễn Anh Duy có đơn xin giảm án cho bị cáo Nguyễn Thị T. Đến ngày 14/8/2017 người bị hại Nguyễn Anh Duy có đơn kháng cáo xin cho ba bị cáo Võ Thị L Nguyễn Thị Hồng G Nguyễn Thị T được án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trình bày như sau:

Bị cáo Võ Thị L trình bày: Khi đến tìm bà Chi yêu cầu đóng hụi chỉ gặp chồng bà Chi, chồng bà Chi nói: “*đây là tài sản cuối cùng tôi bán để trả nợ cho bà Chi, mấy bà lấy được gì đó thì lấy, mấy bà lấy không được thì làm gì thì làm*”, nên do sốt của, lo sợ bà Chi bán hết nhà đất đi nơi khác sinh sống, bà Chi sẽ không thực hiện đóng hụi chết. Do không am hiểu pháp luật nên phạm tội bị cáo đã rất ân hận về việc này; hoàn cảnh quá khó khăn, bản thân bị bệnh, chồng bệnh nặng; cha mẹ đều có công được Nhà nước tặng danh hiệu cao quý; bị cáo xin giảm án và được hưởng án treo.

- *Bị cáo Nguyễn Thị Hồng G trình bày:* Do được mẹ chồng là bị cáo Lê kêu phụ giạt tiền do bà Chi bán hết nhà đất để đi nơi khác sinh sống sẽ không đóng hụi chết. Bị cáo đã biết tội, yêu cầu cấp phúc thẩm cho hưởng án treo vì hoàn cảnh quá khó khăn đang mang thai và nuôi con còn nhỏ và bị lệ thuộc vào bị cáo Lê.

- *Bị cáo Nguyễn Thị T trình bày:* Khi bị cáo Lê và bị cáo Gấm không giạt túi xách tiền do Duy phản kháng, khi nghe bị cáo Lê kêu phụ nên bị cáo vào nắm tay Duy do Duy kháng cự không nắm được; lúc sau, bị cáo Gấm mới giạt được túi xách tiền. Bị cáo đã biết tội chỉ yêu cầu được hưởng án treo

- *Bị hại Hứa Mỹ C trình bày:* khi giạt được túi xách tiền bà có nghe bị cáo Lê nói: “*chỉ lấy đúng số tiền 100 triệu đồng, số còn dư thì trả lại; bà đã nhận đủ số tiền bị cướp. Nay bà tiếp tục xin cho tất cả 3 bị cáo đều được hưởng án treo*”

- *Bị hại Nguyễn Anh Duy vắng mặt, nhưng nội dung kháng cáo là yêu cầu cấp phúc thẩm cho cả 3 bị cáo hưởng án treo.*

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Sáu khi phân tích hành vi phạm tội của từng bị cáo, động cơ mục đích và nguyên nhân xảy ra vụ án; cuối cùng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo và xử phạt bị cáo Võ Thị Lê và bị cáo Nguyễn Thị Hồng Gấm mỗi bị cáo 03 năm tù và bị cáo Nguyễn

Thị T01 năm 06 tháng tù, nhưng cho tất cả 3 bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách; giao cả 3 bị cáo cho chính quyền địa phương theo dõi giáo dục

Luật sư Nguyễn Thị Thanh Mỹ trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thủy: thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên về việc đề nghị cho cả 3 bị cáo hưởng án treo. Bị cáo Gấm chỉ giúp sức cho bị cáo Lệ trong việc giật túi xách tiền; vai trò của bị cáo không đáng kể, bị cáo đã ăn năn thật sự hối cải; gia đình quá khó khăn; cuối cùng tiếp tục đề nghị cho bị cáo Tđược hưởng án treo.

Các bị cáo nói lời sau cùng;

+ Bị cáo Võ Thị L: Bị cáo ân hận, xin lỗi người bị hại và yêu cầu được hưởng án treo.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Hồng G: Bị cáo ân hận, xin lỗi người bị hại và yêu cầu được hưởng án treo.

+ Bị cáo Nguyễn Thị T: Bị cáo ân hận, xin lỗi người bị hại và yêu cầu được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Thị L Nguyễn Thị Hồng G Nguyễn Thị T đã thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, với lời khai của người bị hại, của người làm chứng, cũng như những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập và thẩm tra tại phiên tòa. Do đó án sơ thẩm xử phạt các bị cáo Võ Thị L Nguyễn Thị Hồng G Nguyễn Thị T về tội “Cướp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, sau khi biết bị hại Hứa Mỹ Chi đến nhà chị Ru để nhận tiền sang nhượng đất, bị cáo Lệ chủ động kêu các con dâu của mình cùng đi; tại đây cũng có mặt bị cáo Tđợi bà Chi trả tiền. Sau khi nhận tiền xong bà Chi chuẩn bị ra về, thì bị cáo Lệ tiếp cận ngăn cản sau đó cùng bị cáo Gấm có hành động giật lấy túi đựng tiền trên người anh Duy, do anh kháng cự nên bị cáo Lệ kêu bị cáo Tphụ, cuối cùng bị cáo Gấm đã giật được túi xách đựng tiền. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp tước đoạt tài sản của người bị hại một cách trái pháp luật, diễn ra giữa ban ngày có nhiều người chứng kiến; điều đó, cho thể hiện các bị cáo xem thường pháp luật, không tôn trọng tài sản hợp

pháp của người khác. Do đó, cần phải xử lý các bị cáo tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo chiếm đoạt số tiền 155.394.424 đồng là không chính xác; bởi lẽ trong túi xách tổng giá trị là 155.394.424 đồng; sau khi giật được túi xách bị cáo Lệ có nói: : *“Lấy đủ một trăm triệu thôi, còn bao nhiêu đem trả lại!”*, *“Mày coi con Gấm ở đâu, trả cái giỏ cho người ta, chỉ lấy một trăm triệu thôi!”*. Bị hại Hứa Mỹ Chi tại phiên tòa cũng thừa nhận có nghe bị Lệ nói vậy, nên các bị cáo chỉ chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng. Dù giá trị tài sản trên 155 triệu nhưng các bị cáo chỉ cướp số tiền 100 triệu; bị cáo Gấm đưa lại túi xách bên trong có số tiền trên 50 triệu đồng cùng các vật khác cho chị Khuyên mang đến nhà chị Ru trả lại cho anh Duy. Qua đó, chứng tỏ các bị cáo đã làm giảm bớt tác hại của tội phạm, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Thêm nữa, trong quá trình điều tra và các tại phiên tòa bị cáo Lệ đều khai: *“Do nghe chồng của bị hại Hứa Mỹ Chi nói: đây là tài sản cuối cùng tôi bán để trả nợ cho bà Chi, mấy bà lấy được gì đó thì lấy, mấy bà lấy không được thì làm gì thì làm”*. Mặc dù, chồng bà Chi - ông Vương Hữu Nghĩa không thừa nhận vì cho rằng đã lên Thành phố Hồ Chí Minh sống trước ngày xảy ra sự việc khoảng 4 tháng; trong khi các con của bị cáo Lệ là Võ Thị Ngọc Khuyên, Trần Cao Lĩnh đều trình bày lúc ông Nghĩa nói câu trên vào thời gian trước khi xảy vụ án khoảng từ 04 đến 05 tháng. Thực tế, vợ chồng bị hại Lan đã lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cho đến nay; vì vậy, theo nguyên tắc suy đoán có lợi cho bị cáo nên xác định, chồng bị hại có nói câu như lời khai của bị cáo Lệ. Chính câu nói này làm cho bị cáo Lệ lo sợ mất tiền, đây là động cơ phạm tội của bị cáo Lệ. Do đó, cấp phúc xem đây là các tình tiết mới để giảm nhẹ hình phạt chung cho tất cả các bị cáo.

Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia thực hiện tội phạm, nên cần phân tích vai trò của từng bị cáo để cụ thể hóa hình phạt.

Trước tiên là bị cáo Võ Thị L bị cáo là người rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác tham gia, trong đó có bị cáo Hồng Gấm là con của bị cáo; chính bị cáo là người khởi xướng trước tiên và cũng là người hành động vừa xô đẩy anh Duy vào vách nhà, vừa giật lấy túi xách đựng tiền do anh Duy đang giữ, do anh Duy kháng cự quyết, dù có bị cáo Gấm hỗ trợ nhưng cũng không giật được, bị cáo Lệ tiếp kêu bị cáo phụ, cuối cùng cũng giật được túi xách đựng tiền. Do đó, lẽ ra mức hình phạt của bị cáo phải cao hơn bị cáo G nhưng bị cáo có Cha và Mẹ đều là người có công với Cách mạng, cả 2 đều được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; anh trai của bị cáo là

liệt sĩ, nên mức hình phạt của bị cáo bằng với mức hình phạt của bị cáo Gấm là có căn cứ.

Kế đến là bị cáo Nguyễn Thị Hồng G sau khi được mẹ chồng là bị cáo Lệ kêu cùng đi đòi tiền; lẽ ra, bị cáo phải khuyên răn hay tư vấn nhờ đến chính quyền giải quyết; trái lại, bị cáo đồng ý một cách quyết liệt; thể hiện qua việc bị cáo kéo và khóa cửa rào nhà chị Ru lại không cho phía bị hại tẩu thoát; bị cáo tích cực hành động như giật điện thoại không bị hại Chi báo cơ quan công an, dùng chân đạp vào chân anh Duy, rồi cùng với bị cáo Lệ và Tdùng tay giật túi xách đựng tiền do anh Duy đang giữ, chính bị cáo là người giật được túi xách tiền và mang túi xách này về nhà. Tuy nhiên, bị cáo là con dâu của bị cáo Lệ nên mặc nào đó bị cáo cũng bị lệ thuộc vào bị cáo Lệ;

Cuối cùng là bị cáo Nguyễn Thị T: bị cáo có mặt tại hiện trường đợi bà Chi trả tiền, khi bị cáo Lệ kêu phụ giật túi xách tiền; lẽ ra, bị cáo khuyên can, trái lại bị cáo dùng tay chụp tay của Duy nhưng không được; sau đó, bị cáo Gấm giật được túi xách tiền.

Xét nguyên nhân xảy ra vụ án xuất phát từ việc người bị hại bán hết tài sản là nhà và đất chuyển lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống; bị cáo Lệ đi đến nhà tìm bị hại mà không gặp; chỉ gặp ông Vương Hữu Nghĩa - chồng bị hại Chi lại nói: *đây là tài sản cuối cùng tôi bán để trả nợ cho bà Chi, mấy bà lấy được gì đó thì lấy, mấy bà lấy không được thì làm gì thì làm*; thực tế vợ chồng bị hại Chi đã lên sinh sống tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; các bị cáo là người lao động không am hiểu pháp luật; nhất thời phạm tội do sợ không đòi được tiền hui; số tiền cướp bị cáo đã nộp ngay sau đó. Tại phiên tòa, bị hại xin cho cả 3 bị cáo đều được hưởng án treo. Do đó, không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt, mà giao cho chính quyền địa phương để giám sát và giáo dục.

Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt là chưa có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo và sửa hình phạt cho đúng với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm; thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Xét lời bào chữa cho bị cáo T của luật sư và đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo và 2 người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Thị L Nguyễn Thị Hồng G Nguyễn Thị T và kháng cáo của 2 bị hại Hứa Mỹ Chi, Nguyễn Anh Duy.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2017/HSST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình về phần quyết định hình phạt.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133, các điểm a, b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 33, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Võ Thị L 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo; thời hạn thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày 25/01/2018;

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133, các điểm a, b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 33, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng G 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo; thời hạn thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày 25/01/2018;

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 133, các điểm a, b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41 của Quốc hội, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời hạn thử thách 03 (ba) năm, tính từ ngày 25/01/2018;

Cả 3 bị cáo: Võ Thị L Nguyễn Thị Hồng Gám và Nguyễn Thị T đều bị xử phạt về tội “*Cướp tài sản*”.

Giao cả 3 bị cáo Võ Thị L Nguyễn Thị Hồng G và Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã T L, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 của luật Thi hành án Hình sự.

* Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Cả ba bị cáo Võ Thị L Nguyễn Thị Hồng G Nguyễn Thị T và cả 2 bị hại Hứa Mỹ C, Nguyễn Anh Duy không phải nộp án phí HSPT.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao: 1;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 2;
- Tòa án: 1;
- Viện kiểm sát nhân dân Huyện Tam Bình: 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình: 1;
- Sơ tư pháp: 1,
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long: 1;
- Bị cáo: 03;-Bị hại: 02;
- UBND xã Tường Lộc:1;
- Tổ nghiệp vụ: 1;
- Lưu hồ sơ vụ án: 4.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Tân